QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN TRƯỜNG ANH
Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình

Nhận bài ngày 10/4/2025. Sửa chữa xong 16/4/2025.Duyệt đăng 25/4/2025.

Abstract

Power control within the political system in Vietnam is essentially the control of political power, with state power being the core focus. Based on a presentation of the concept of power control, this article centers on analyzing and interpreting the Communist Party of Vietnam's viewpoints on controlling state power within the country's political system.

Keywords: *State power, political system, power control.*

1. Đặt vấn đề

Ở nước ta hiện nay, việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) luôn được đặt trên nguyên tắc có tính chất nền tảng "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân". Nguyên tắc đó không chỉ được ghi nhận trong đường lối, cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong Hiến pháp và pháp luật hiện hành, mà còn phải được bảo đảm thực thi một cách nghiêm ngặt, triệt để trên thực tế, bảo đảm sao cho Nhân dân ủy quyền, giao quyền cho Nhà nước, các cơ quan quyền lực nhà nước mà không lo bị mất quyền, không lo bị lạm quyền từ phía quyền lực chính trị nói chung, quyền lực nhà nước nói riêng. Để giải quyết được vấn đề đó thì trong tổ chức quyền lực nhà nước nhất thiết phải có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực. Đây là đòi hỏi tất yếu, khách quan nhằm thực hiện nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, bảo đảm Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước; đồng thời, ngăn chặn sự lạm dụng, lợi dụng quyền lực nhà nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm kiểm soát quyền lực

Dưới góc độ khoa học pháp lý, kiểm soát là hoạt động hướng tới đo lường, đánh giá hiệu lực, hiệu quả/kết quả hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị dựa trên các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp, pháp luật; phát hiện những sai sót, lệch chuẩn, tồn tại, hạn chế; chỉ ra nguyên nhân để trên cơ sở đó, thực hiện những sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cần thiết nhằm làm cho sự vận hành của hệ thống chính trị đạt được mục tiêu chính trị chung và hiệu quả cao nhất. Đây là lúc các nhà luật học đề cập đến vấn đề kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay gồm có: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam). Trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một tổ chức thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, là hạt nhân của hệ thống chính trị; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trung tâm của hệ thống chính trị. Nhìn trên phương diện này, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị, về bản chất, là kiểm soát quyền lực chính trị, mà trọng tâm là kiểm soát quyền lực nhà nước.

Email: truonganh261298@gmail.com.

Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị là một dạng hoạt động, mà một hoạt động bao giờ cũng có chủ thể, nội dung, phương thức thực hiện và mục tiêu/kết quả cần/phải đạt được của hoạt động. Theo lôgíc đó, các yếu tố cấu thành kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị bao gồm chủ thể kiểm soát, nội dung kiểm soát, phương thức thực hiện việc kiểm soát và mục tiêu/kết quả cần đạt được từ hoạt động kiểm soát quyền lực. Như đã đề cập ở trên, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị, về bản chất, là kiểm soát quyền lực chính trị, mà trọng tâm là kiểm soát quyền lực nhà nước.

Kiểm soát quyền lực nhà nước là toàn bộ hoạt động của các chủ thể trong xã hội dựa trên các phương thức, trình tự, thủ tục theo quy định của Hiến pháp và pháp luật nhằm thiết lập, duy trì hoặc bãi bỏ những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định của đối tượng nhất định được giao phó quyền lực; giám sát, kiểm tra, thanh tra, nhận xét, đánh giá việc thực thi quyền lực theo yêu cầu của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phát hiện, ngăn ngừa, loại bỏ những biểu hiện sai trái của các cơ quan quyền lực, khắc phục sự tha hóa quyền lực, đưa quyền lực trở về đúng nghĩa là quyền lực của Nhân dân; góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Việc kiểm soát quyền lực nhà nước chỉ có thể được thực hiện dựa trên những phương thức, cơ chế nhất định.

Phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước là cách thức được chủ thể sử dụng để thực hiện hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước, hướng tới phát hiện, ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, việc làm sai trái của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong quá trình tổ chức, thực thi quyền lực nhà nước; bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức và thực thi theo đúng các quy định của Hiến pháp, pháp luật, đúng mục tiêu mong muốn và đạt hiệu quả cao nhất có thể.

Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là những hình thức, quy trình, chuẩn mực, quy định của Hiến pháp, pháp luật và các thiết chế có liên quan đến việc kiểm soát quyền lực nhà nước, gắn kết chặt chẽ với nhau thành một chỉnh thể thống nhất, thông qua đó các chủ thể thực hiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước phù hợp với từng phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước.

Khái niệm kiểm soát quyền lực nhà nước là cơ sở để tìm hiểu, nghiên cứu quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam.

2.2. Quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực nhà nước trong hệ thống chính trị

Ngay sau khi lãnh đạo Nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, giành được nền độc lập cho đất nước, tự do cho Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo Nhà nước triển khai xây dựng, ban hành bản Hiến pháp năm 1946, trong đó định ra các nguyên tắc cơ bản của việc tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Ngay tại Điều thứ 1 Hiến pháp năm 1946 đã tuyên bố: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể Nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo". Đây là khởi đầu của nguyên tắc "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân". Điều thứ 23 quy định quyền lập pháp thuộc về Nghị viện Nhân dân với tư cách là cơ quan có quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hiến pháp năm 1946 chỉ gồm 70 điều ngắn gọn, song đã xác định rất rõ ràng nền tảng quyền lực nhà nước, các nguyên tắc phân chia quyền lực nhà nước và những thiết chế, điều kiện cơ bản để bảo đảm thực hiện quyền lực nhà nước. Đặc biệt, nguyên lý quyền lực tối cao thuộc về Nhân dân được thể hiện trong chế định phúc quyết Hiến pháp và việc sửa đổi Hiến pháp.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó xác định một số yếu tố quan trọng, cốt lõi của việc xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước theo các nguyên tắc pháp quyền, như: Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định quyền công dân, quyền con người; Nhà nước phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt bằng pháp luật; Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền đó; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân... Đây là lần đầu tiên, về

mặt nhận thức, Đảng Cộng sản Việt Nam ghi nhận rằng, để việc tổ chức quyền lực nhà nước một cách thống nhất thì cần phải có sự phân định rành mạch ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp với yêu cầu đề ra là phải có cơ chế và biện pháp kiểm soát lẫn nhau.

Trong công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, Đảng ta xác định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được xây dựng, tổ chức và vận hành theo thể chế Nhà nước pháp quyền. Tại Hội nghị Trung ương 3 khoá VII (năm 1992) về xây dựng Đảng và Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (năm 1994), thuật ngữ "Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân" chính thức được sử dụng trong văn kiện của Đảng. Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền trở thành định hướng chiến lược đối với quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; trong đó, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền phải luôn song hành với việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước.

Đến Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (năm 1995) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta xác định 05 quan điểm cơ bản để tiến hành cải cách bộ máy nhà nước theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền, trong đó nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được bổ sung nội dung "có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp".

Tiếp theo, trong văn kiện Đại hội IX, Đảng ta đã khẳng định: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân" [4, tr.48]. Đại hội IX của Đảng đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và năm 2001, trong lần sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã ghi nhận: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X có ghi rõ: "Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp".

Có thể thấy, cho đến trước Đại hội XI, quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực đã được thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991). Tuy nhiên, Hiến pháp năm 1992 và các văn bản luật được ban hành sau đó đều chưa thể chế hoá được định hướng quan trọng trong Cương lĩnh năm 1991 là phải có cơ chế và biện pháp hữu hiệu để kiểm soát việc thực thi quyền lực nhà nước, ngăn ngừa sự lạm quyền. Trong Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định rằng, về nhận thức, chưa làm sáng tỏ về tính độc lập tương đối của mỗi quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp, về sự chế ước lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực; về vấn đề kiểm tra, giám sát quyền lực nhằm bảo đảm quyền lực không bị tha hoá và bị lạm dụng, về cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước. [5, tr.45]Cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ mỗi nhánh quyền lực, giữa các nhánh quyền lực và giám sát xã hội đối với các cơ quan thực thi quyền lực còn bất hợp lý, kém hiệu lực, hiệu quả dẫn đến quyền lực ở các nhánh đều có nguy cơ và trên thực tế đã bị lạm quyền, tha hoá (vận động, thao túng chính sách pháp luật của các tập đoàn kinh tế lớn; lạm quyền, tham nhũng trong các cơ quan hành pháp, tư pháp...).

Hiến pháp 1992 (sửa đổi năm 2001) chưa khẳng định yếu tố kiểm soát thực hiện quyền lực như một nguyên tắc trong hoạt động của hệ thống cơ quan nhà nước, cũng chưa có luật để cụ thể hoá cách thức, trình tự, thủ tục thực hành các quyền dân chủ trực tiếp của công dân (quyền biểu quyết khi trưng cầu ý dân, quyền tiếp cận thông tin) - một trong những kênh quan trọng để người dân thực hiện sự giám sát từ bên ngoài đối với việc thực thi quyền lực của từng cơ quan.

Trong văn kiện Đại hội XI, cụ thể là trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên

chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"[1].

Một cách chính thức, vấn đề "kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" đã lần đầu tiên được đề cập trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng. Điều đó thể hiện bước phát triển mới trong quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực; theo đó, trong việc thực hiện quyền lực nhà nước không chỉ có sự phân công, phối hợp, mà còn phải có sự kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Kiểm soát quyền lực nhà nước là một vấn đề phức tạp bởi sự phức tạp của tổ chức quyền lực nhà nước và hoạt động thực thi quyền lực nhà nước. Tính phức tạp đó, một mặt, do kiểm soát việc sử dụng quyền lực nhà nước để chống sự lạm dụng nó là đòi hỏi bắt buộc đối với bất kỳ nhà nước dân chủ và pháp quyền nào; mặt khác, kiểm soát được việc sử dụng quyền lực nhà nước mà lại không làm mất đi tính mềm dẻo cần phải có để tiến hành các công việc nhà nước.

Pháp luật của Nhà nước ta là kết quả của sự thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa giáo dục khoa học, đối nội, đối ngoại. Thể chế hóa quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực, thuật ngữ "kiểm soát" đã được đưa vào khoản 3, Điều 3 Hiến pháp năm 2013: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp"[2].

So với bản Hiến pháp năm 1992, cùng với yêu cầu về kiểm soát quyền lực, Hiến pháp năm 2013 đã có một bước tiến mới rất quan trọng trong việc phân công quyền lực: Điều 69 quy định về quyền lập pháp của Quốc hội; Điều 94 quy định về Chính phủ thực hiện quyền hành pháp; Điều 102 quy định Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp. Mặc dù có sự phân định ba quyền, song cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp không hoàn toàn tách biệt nhau, mà ràng buộc lẫn nhau, cả ba quyền này phải nằm trong thể thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau; phải hoạt động một cách nhịp nhàng trên cơ sở làm đúng, làm đủ nhiệm vụ và quyền hạn mà Nhân dân giao cho mỗi quyền được Hiến pháp quy định.

Sự kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp là nhằm ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền, lộng quyền, phòng chống sự tha hóa quyền lực, lạm dụng quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước thống nhất ở Nhân dân chứ không phải thống nhất ở các cơ quan nhà nước. "Nếu các cơ quan nhà nước thống nhất nhưng Nhân dân bất bình không yên vì quyền lực nhà nước của mình bị lạm quyền, lộng quyền, mất quyền thì sự thống nhất quyền lực ở các cơ quan nhà nước có lẽ sẽ không có ích gì. Vì vậy, kiểm soát quyền lực nhà nước là nhằm mục đích chủ yếu là phòng chống sự tha hóa của quyền lực nhà nước mà không phải chỉ là để thống nhất quyền lực nhà nước. Điều đó đòi hỏi phải thay đổi cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước" [8, tr. 147-148].

Trong hệ thống chính trị của nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một bộ phận cấu thành, vừa là tổ chức lãnh đạo hệ thống chính trị. Lịch sử xây dựng và phát triển của Đảng cho thấy Đảng ta là một Đảng cách mạng chân chính, luôn gắn bó máu thịt với dân tộc, với Nhân dân, ở trong lòng Nhân dân, từ Nhân dân mà ra, vì lợi ích của Nhân dân mà phục vụ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, "ngoài lợi ích của giai cấp, của Nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác"[3]. Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực nhà nước còn thể hiện ở việc Đảng đề ra nguyên tắc, phương thức, cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị trong Đảng. Đảng ta là Đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, song điều đó không có nghĩa là quyền lực chính trị của Đảng nằm ngoài

1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 85-86.
2) Khoản 3, Điều 2 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
3) *Hồ Chí Minh Toàn tập (*tập 10,1996), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 4.

vòng kiểm soát; trái lại, với tư cách một thành tố thuộc hệ thống chính trị, quyền lực chính trị, sự lãnh đạo của Đảng luôn được đặt trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu sự giám sát của Nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhằm đảm bảo cho các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng được triển khai thực sự trên thực tế và đi vào thực tiễn cuộc sống. Triết lý lãnh đạo, cũng là phương thức lãnh đạo của Đảng, đồng thời là cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị trong Đảng là: Đảng Cộng sản Việt Nam luôn tự đặt tổ chức và hoạt động của mình trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; dựa vào Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, chịu sự kiểm tra và giám sát của Nhân dân. Triết lý - phương thức lãnh đạo - cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị đó của Đảng được thể hiện tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013.

Trong mối liên hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân, Đảng luôn tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, lấy các ý kiến đó làm cở sở cho việc hoạch định chủ trương, đường lối lãnh đạo của mình. Khi đã có chủ trương, đường lối đúng đắn, hợp lòng dân thì Đảng mới có thể đưa chủ trương, đường lối đó đi vào cuộc sống, được Nhân dân đón nhận và tự giác thực hiện; từ đó mới có thể huy động được đông đảo Nhân dân tham gia thực hiện bằng nguồn nhân tài, vật lực của chính Nhân dân. Dựa vào dân, thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân chính là nền tảng giúp Đảng ta tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm qua, quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực ngày càng được bổ sung, phát triển cụ thể, rõ ràng hơn; không dừng lại ở các văn kiện, chỉ thị hay nghị quyết, mà còn được chuyển hóa mạnh mẽ trên thực tế thành hành động, việc làm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cũng như của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Đại hội XIII của Đảng đánh giá: "Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực" [7, tr. 72]. Việc kiểm soát quyền lực nhà nước là một trong những nguyên nhân cơ bản góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kể từ khi Đại hội X (năm 2011) của Đảng đặt vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã có chuyển biến mạnh mẽ, đột phá, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, toàn diện, rõ rệt, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội. Tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến hết tháng 12/2022, đã khởi tố, điều tra trên 4.200 vụ, với hơn 7.500 bị can về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế. Đáng chú ý, đã xử lý hình sự 25 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Riêng năm 2022, các cơ quan điều tra trong Công an nhân dân đã thụ lý điều tra 687 vụ án, 1.439 bị can phạm tội về tham nhũng, trong đó: Khởi tố mới 436 vụ và 929 bị can (tăng 105 vụ, 177 bị can so với kỳ báo cáo năm trước [2]. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, sai phạm kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã được xử lý dứt điểm, nghiêm khắc, đúng pháp luật, có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe, phòng ngừa. Năm 2024, "Tòa án nhân dân các cấp giải quyết theo thủ tục sơ thẩm 1.154 vụ/3.201 bị cáo về các tội phạm tham nhũng; đã giải quyết 1.096 vụ/2.953 bị cáo; trong đó xét xử 917 vụ/2.418 bị cáo về các tội tham nhũng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt tù chung thân và tử hình 13 bị cáo; xử phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm đối với 93 bị cáo; tù từ trên 7 năm đến 15 năm đối với 366 bị cáo; tù từ trên 3 năm đến 7 năm đối với 566 bị cáo; tù từ 3 năm trở xuống 712 bị cáo..., còn lại là các hình phạt khác" [3]. Điều đó cho thấy, tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn và có chiều hướng giảm, góp phần làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, Đảng ta cũng đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng, thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực. Tại Đại hội XII, Đảng chỉ rõ: "chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp" [6, tr. 172]; trên cơ sở đó đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ: "xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư

pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền"[6, tr. 176]. Cùng với đó, phải "hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương" [6, tr. 203]. Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Trung ương 6 (khóa XII) cũng tiếp tục yêu cầu: "xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện".

Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục chỉ ra: "Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của Nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ" [7, tr. 89]; "Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao" [7, tr. 93]. Trên cơ sở đó, một trong những giải pháp được Đại hội XIII đề ra là: "tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền" [7, tr. 190], "tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức" [7, tr. 332].

Có thể khẳng định rằng, từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII, nhất là từ nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực nhà nước trong hệ thống chính trị đã có bước phát triển mới, tập trung vào việc làm rõ hơn, sâu sắc hơn nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của kiểm soát quyền lực; trên cơ sở đó, xây dựng, hoàn thiện và thực thi có hiệu quả phương thức, cơ chế kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị nói chung, kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước nói riêng. Những phương thức, cơ chế đó bao gồm: 1) Xây dựng, ban hành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kiểm soát quyền lực bảo đảm đồng bộ, phù hợp, chặt chẽ; 2) Xây dựng, ban hành cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền; 3) Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; 4) Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; 5) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức; 6) Phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của Nhân dân...

3. Kết luận

Giai đoạn phát triển mới của đất nước đang đòi hỏi nhận thức lý luận mới của Đảng về kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị. Bộ Chính trị (khóa XIII) đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, tập trung làm rõ thêm, sâu sắc hơn quan điểm, mục tiêu, trọng tâm, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; trong đó chứa đựng những quan điểm mới về kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị, hướng tới mục tiêu đến năm 2030: "Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, được kiểm soát hiệu quả" [1].

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.

[2] Chính phủ (2022), *Báo cáo số 410/BC-CP ngày 12/10/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022*.

[3] Chính phủ (2024), *Báo cáo số 653/BC-CP ngày 17/10/2024 Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024*.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập I), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8] Trần Ngọc Đường (2012), *Phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực với việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[9] Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.

[10] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 10, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.